CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư PV2

Ngày 31/12/2025	2,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-6.9%**	**0%**

DT thuần
Q4/25
0
tỷ VNĐ
YoY: ▼150| -100%

LN thuần
Q4/25
-1.63
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.49| -133%
YoY: ▲ 18.1| 91.7%

LN sau thuế
Q4/25
-1.65
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.51| -134%
YoY: ▲ 18.1| 91.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2025

ROE
2025
0.8%
YoY: +/-▲ 6.8%

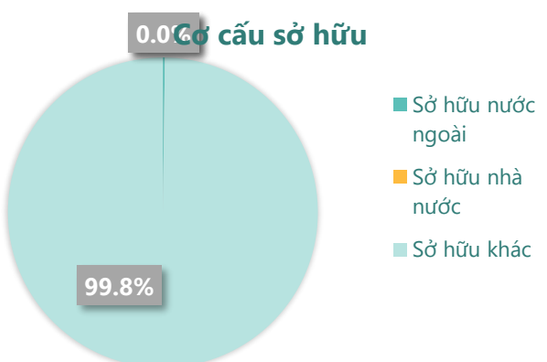
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	2,200 - 4,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	100
Số lượng CPLH (CP)	36,868,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	113,020
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.77
EPS	52
P/E	52.1

DT thuần
2025
0
tỷ VNĐ
YoY: ▼150| -100%

LN thuần
2025
1.94
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.1| 114%

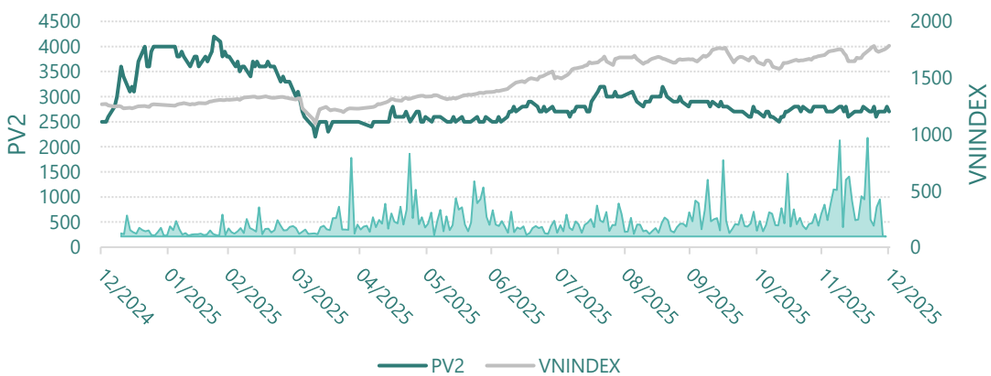
LN sau thuế
2025
1.91
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.1| 113%

Cơ cấu sở hữu

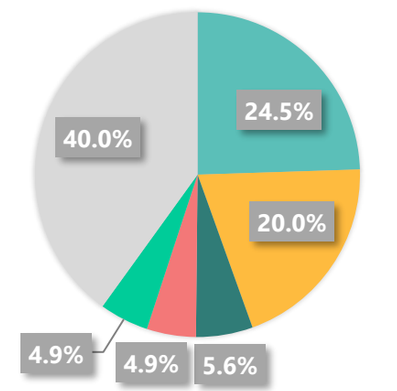


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



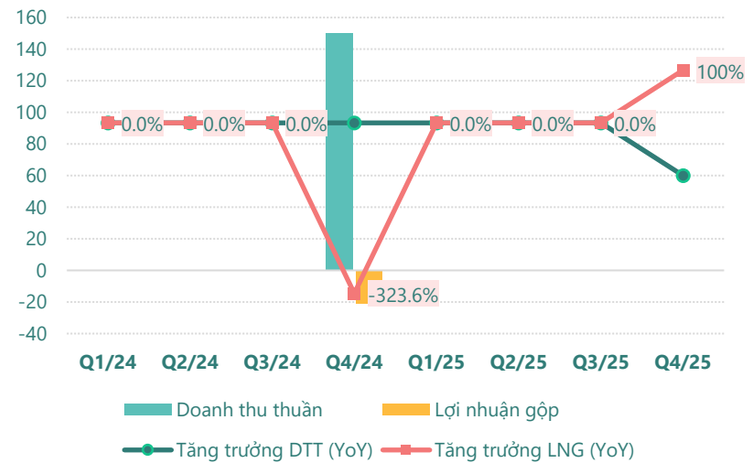
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

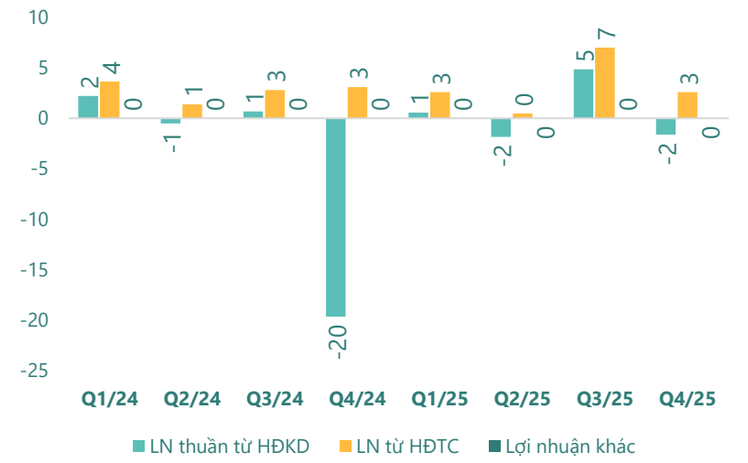
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



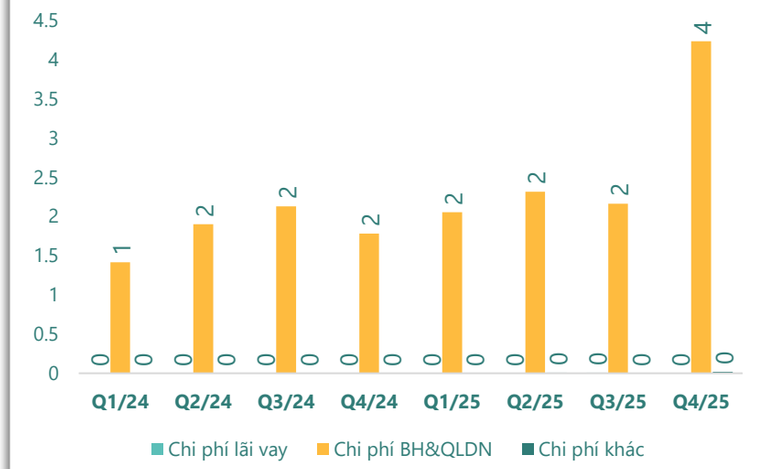
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



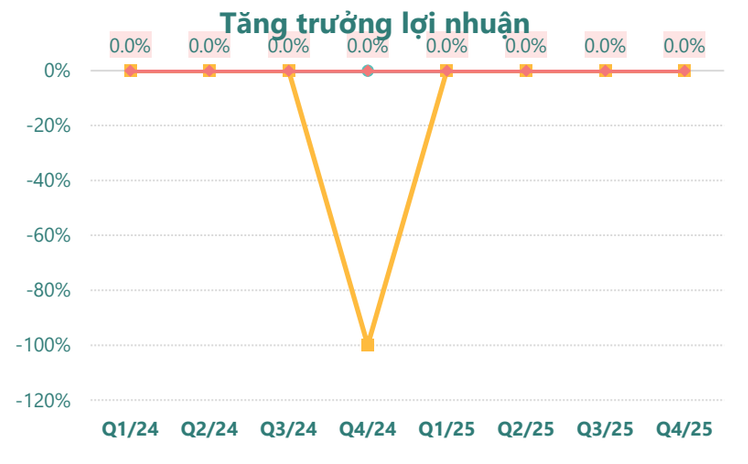
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



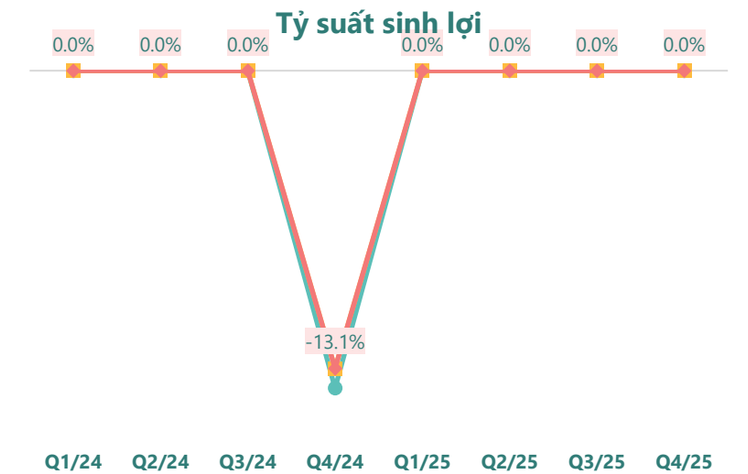
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



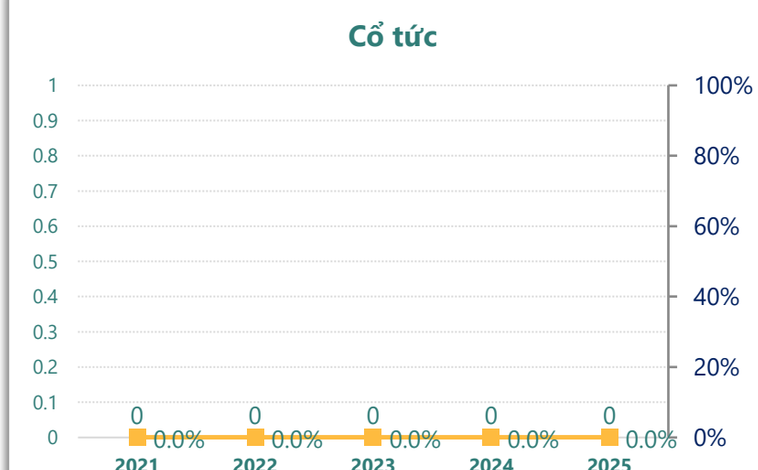
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

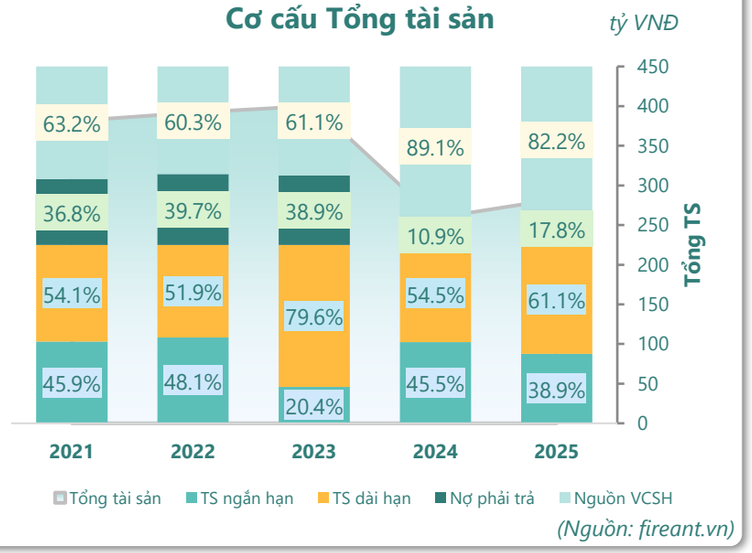
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

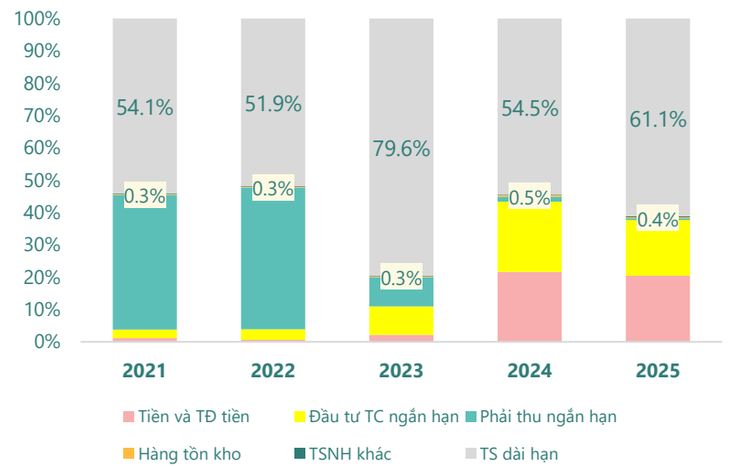
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



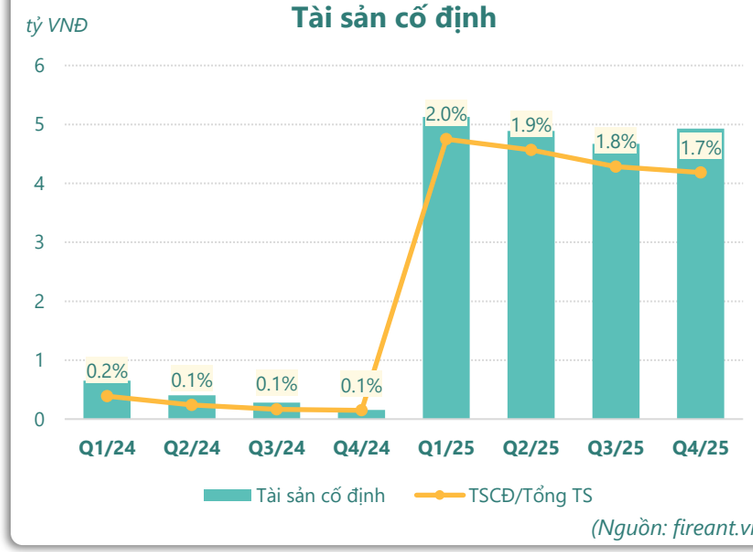
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



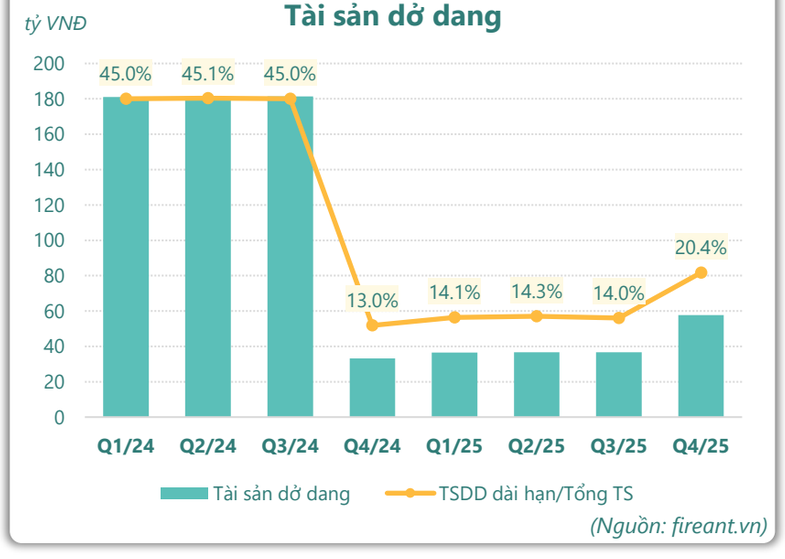
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



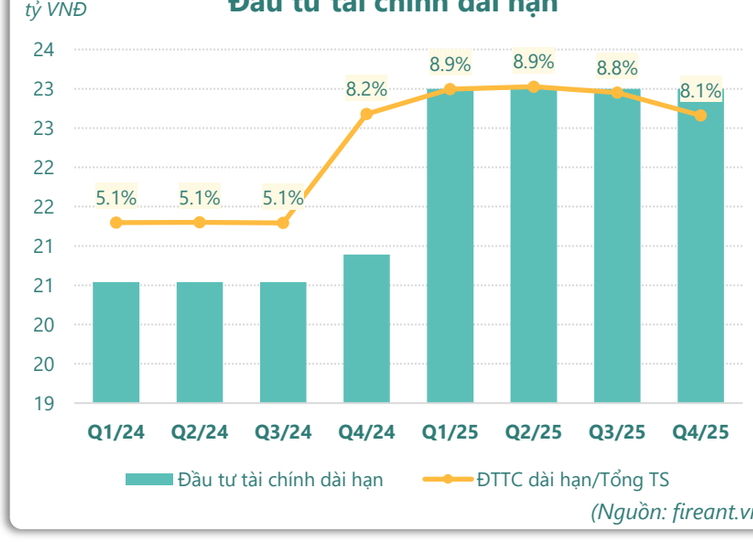
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



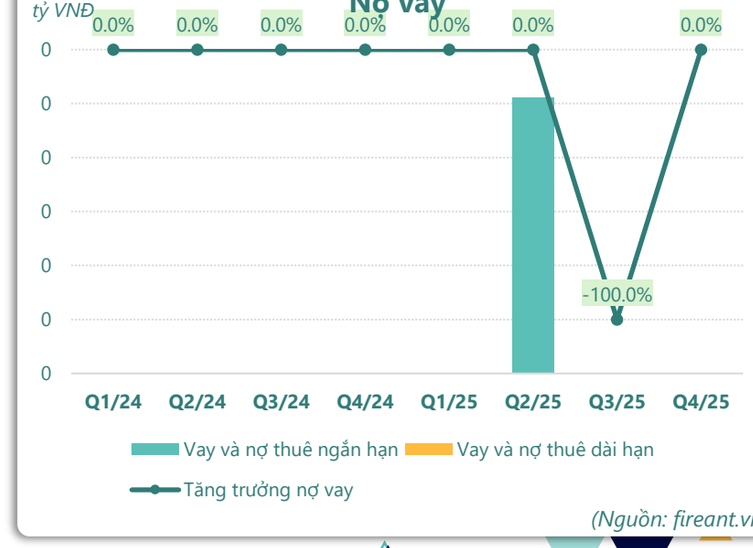
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

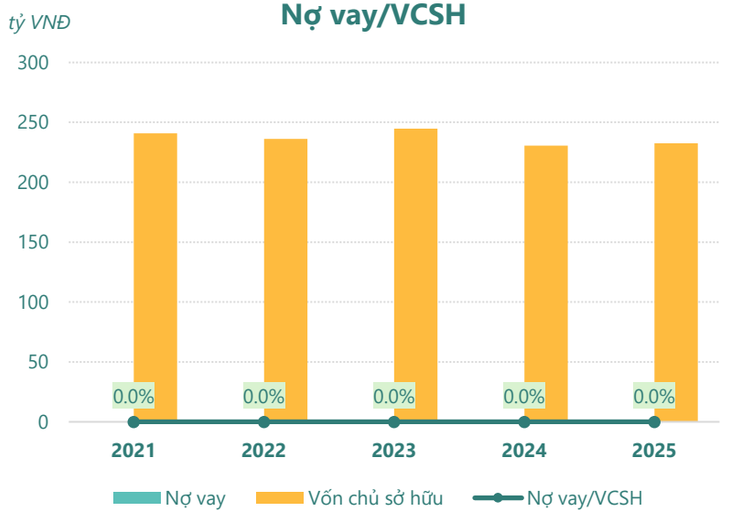
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

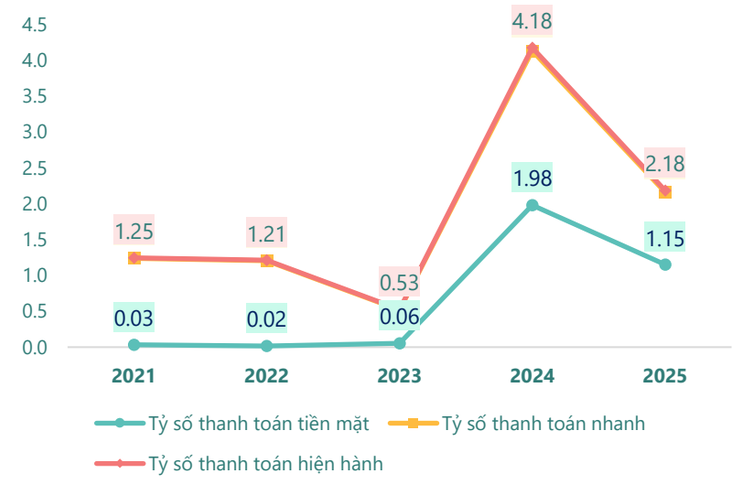
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



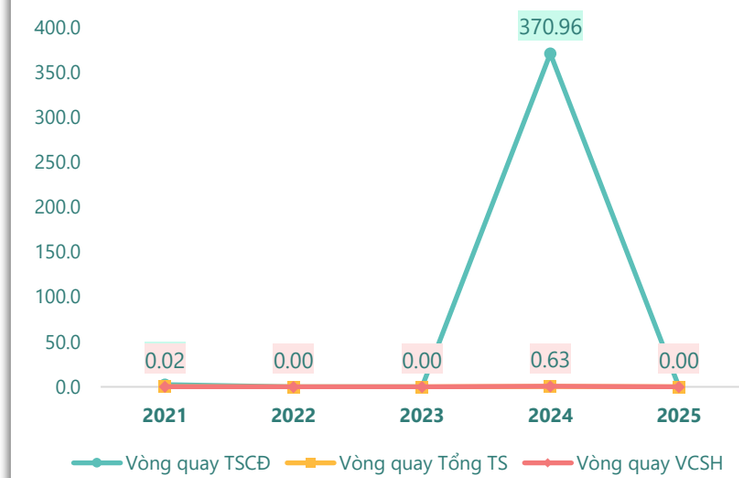
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



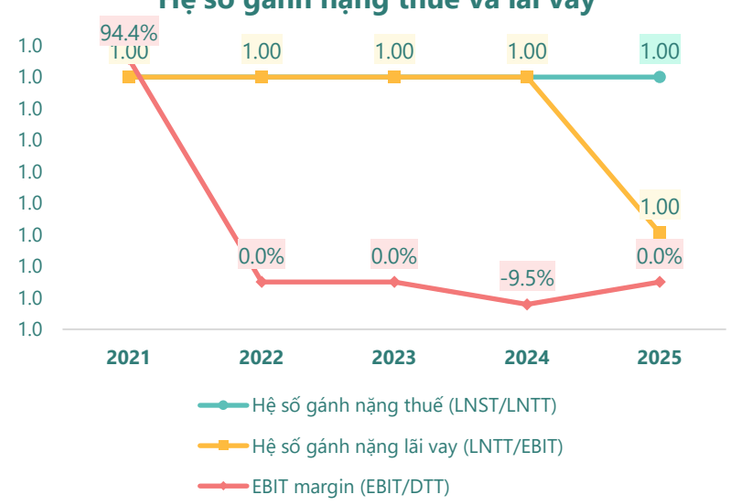
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



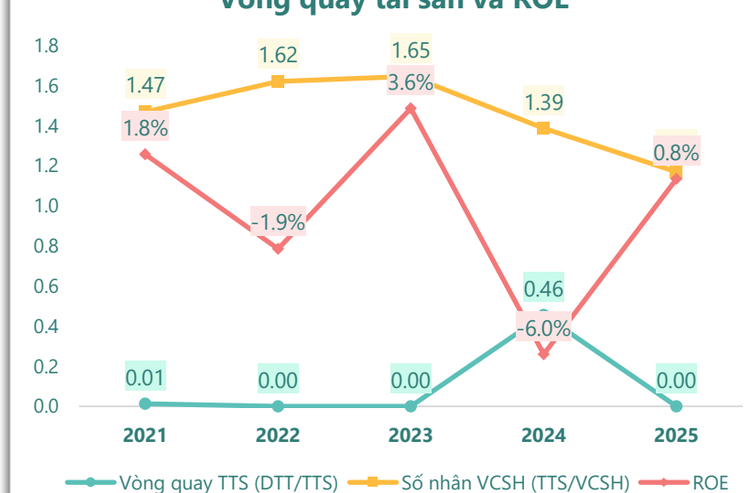
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



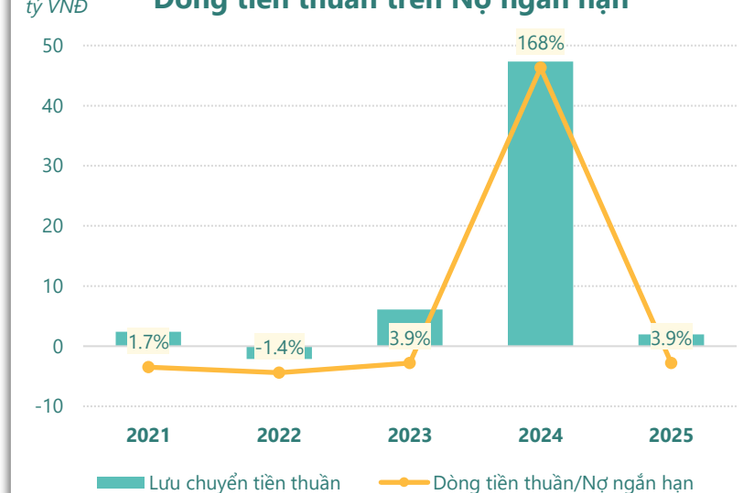
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**150**	**-100%**	**0**	**150**	**-100%**
Giá vốn hàng bán	0	171	-100%	0	168	-100%
Lợi nhuận gộp	0	-21.0	100%	0	-17.7	100%
Doanh thu HĐTC	4.93	4.16	18.4%	16.6	12.9	28.7%
Chi phí TC	2.32	1.07	117%	3.86	1.98	95.1%
Chi phí lãi vay	0.00	0.00		0.01	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**4.24**	**1.78**	**138%**	**10.8**	**7.39**	**45.7%**
LN thuần từ HĐKD	-1.63	-19.7	91.7%	1.94	-14.2	114%
Lợi nhuận khác	**-0.02**	**0.00**		**-0.03**	**0**	
LN trước thuế	-1.65	-19.7	91.6%	1.91	-14.2	113%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.65**	**-19.7**	**91.6%**	**1.91**	**-14.2**	**113%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.65**	**-19.7**	**91.6%**	**1.91**	**-14.2**	**113%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.1	-121	-6.50	-12.8	-27.9	28.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.3	111	-18.0	10.1	41.6	-12.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0.22	-0.23	-0.01	0
Tiền đầu kỳ	71.7	65.5	55.9	31.6	28.6	42.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.15**	**-9.65**	**-24.3**	**-2.99**	**13.8**	**15.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	65.5	55.9	31.6	28.6	42.4	57.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**283**	**259**	**9.3%**
Tài sản ngắn hạn	110	118	-6.8%
Tiền và tương đương tiền	57.8	55.9	3.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.7	56.4	-13.7%
Phải thu ngắn hạn	1.36	3.77	-64.0%
Hàng tồn kho	1.22	1.22	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.75	0.56	33.1%
Tài sản dài hạn	**173**	**141**	**22.7%**
Phải thu dài hạn	87.2	83.4	4.5%
Tài sản cố định	4.93	0.16	3024%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	57.7	36.4	58.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	23.0	20.8	10.3%
Tài sản dài hạn khác	**0.07**	**0.09**	**-27.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	50.3	28.2	78.2%
Nợ ngắn hạn	**50.3**	**28.2**	**78.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.03	0.02	99.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**232**	**231**	**0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**232**	**231**	**0.8%**
Vốn điều lệ	374	374	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)